

TRƯỜNG TH QUÀI CANG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Diện tích	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp			Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học			-
1	Phòng học kiên cố	17	17	-
III	Số điểm trường lẻ	2	2	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)		6229m ²	13,5 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)		3204m ²	6,9 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	17	573m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	96 m ²	(Thư viện xanh)
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	68	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	2	75	(MT + ÂN&KHCT)
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	2	63	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	2	63	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	48	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục hs khuyết tật học hòa nhập (m ²)	1	15	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	17		17 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 1	3		

1.2	Khối lớp 2	3		
1.3	Khối lớp 3	3		
1.4	Khối lớp 4	4		
1.5	Khối lớp 5	4		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		
2.1	Khối lớp 1	0		
2.2	Khối lớp 2	0		
2.3	Khối lớp 3	0		
2.4	Khối lớp 4	0		
2.5	Khối lớp 5	0		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập		39	2-3 học sinh/lớp/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		2	
2	Cát xét		1	
3	Đầu Video/đầu đĩa		1	
4	Máy chiếu OverHead/projector		26	Hỏng 4
5	Máy chiếu vật thể		2	
6	Máy photo		4	Hỏng 2
7	Phòng học trực tuyến	Bộ	0	
8	Thiết bị dạy học trực tuyến	Bộ	1	
9	Camera	Bộ	2	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XI	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0

XII	Khu nội trú			
-----	-------------	--	--	--

XIII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Diện tích m ²	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		3		48/48
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVI	Kết nối internet	X	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XVIII	Tường rào xây	X	

Quài cang, ngày 30 tháng 5 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng